

**Swimming Official Training Course 2025 (B)  
Practical Session Roster**

S/N	Name	Chinese Name	Club	VPSP					KPSP				
				15/8 PM	16/8 AM	16/8 PM	17/8 AM	17/8 PM	31/10 PM	1/11 AM	1/11 PM	2/11 AM	2/11 PM
				1715	0815	1445	0815	1445	1715	0845	1315	0845	1315
1	Ngai Chun Yip	倪駿業	DLS						✓	✓	✓	✓	✓
2	Liu Mei Yan	廖美恩	WTS	✓	✓		✓	✓			✓		
3	Mau Chi Chiu Brenda	繆智昭	NWC		✓	✓	✓	✓	✓				
4	Ng Wai Shing	吳偉成	CPS	✓	✓	✓	✓			✓			
5	Leung Chi Shing	梁志成	CPS	✓	✓	✓	✓	✓					
6	Xiao Hong Liang	肖泓亮	DLS	✓	✓	✓	✓	✓					
7	Leung Siu Hung	梁兆雄	-						✓	✓	✓	✓	✓
8	Lai Mei King	賴美琼	-	✓	✓	✓	✓	✓					
9	Lai Kai	黎佳	-						✓	✓	✓	✓	✓
10	Lam Pak Kiu	林柏喬	EBC	✓	✓	✓	✓	✓					
11	Hung Kwong Lam	洪廣林	EBC	✓	✓	✓	✓	✓					
12	Pang Man Lee	彭敏莉	-	✓	✓	✓	✓	✓					
13	Chan Sze Ki	陳詩淇	EBC	✓	✓	✓	✓	✓					
14	Yuen Wing Fung	阮永豐	SDL						✓	✓	✓	✓	✓
15	Leung Ting Hin Woody	梁庭軒	-	✓	✓	✓	✓	✓					
16	Tao Siying	陶思穎	DLS	✓	✓	✓	✓	✓					
17	Leung Paggy	梁碧琪	-	✓	✓	✓	✓	✓					
18	Yuen Hoi Hei	袁海熙	-	✓	✓	✓	✓	✓					
19	Leung Cheuk Yau	梁倬悠	-	✓	✓	✓	✓	✓					
20	Leung Yan Yan Kelly	梁恩甄	KCD	✓	✓	✓	✓	✓					
21	Fong William Wing Lun	方穎麟	-	✓				✓			✓	✓	✓
22	So Wai Yan	蘇煒欣	-	✓	✓	✓	✓	✓					
23	Ng Yee Lam	吳依霖	-	✓	✓	✓	✓	✓					
24	Chow Lap Wai	周立為	SDL	✓	✓	✓	✓	✓					
25	Ng Yin Ling Irene	吳妍玲	-		✓	✓				✓		✓	✓
26	Kwok Hoi Yan Belinda	郭凱欣	-						✓	✓	✓	✓	✓
27	Tsui Ho Cheung Calvin	徐皓祥	#MA	✓	✓	✓	✓	✓					
28	Yuen Ming Yan	袁明茵	HVA			✓							
29	Yiu Hei Wai	姚希蔚	TPS	✓	✓	✓	✓	✓					
30	Yiu Hei Chit	姚稀哲	TPS	✓	✓	✓	✓	✓					
31	Ng Sin Yan Shirley	吳倩欣	-		✓	✓			✓			✓	✓
32	Au King Tong	區敬唐	HVA						✓	✓	✓	✓	✓
33	Tsui Po Kei	徐寶琪	-	✓	✓	✓	✓	✓					
34	Mong Tsz Lu Yoyo	孟梓徭	#MA	✓		✓	✓	✓		✓			
35	Wong Kim Ho	黃劍豪	-	✓	✓	✓	✓	✓					
36	Au Kin Fai	區建輝	KTS						✓	✓	✓	✓	✓
37	Wong Wai Yung	黃慧蓉	-						✓	✓	✓	✓	✓
39	Sham Nok Lam	岑諾霖	-				✓	✓	✓	✓	✓		
40	Au Yeung Sin Chun	歐陽善真	-	✓	✓	✓	✓	✓					
41	Fan Wing Tung	范泳桐	-	✓	✓	✓	✓	✓					
42	Zhang Chongrui	張崇睿	-						✓	✓	✓	✓	✓
43	Lee Tsz Ching	李芷晴	*LG	✓	✓	✓	✓	✓					
44	Luo Hui Lan	羅惠蘭	*LG	✓	✓	✓	✓	✓					
45	Choi Mang Mang	蔡明明	-	✓	✓	✓	✓	✓					
46	Law Tsz Kiu Gigi	羅梓僑	*LG	✓	✓	✓	✓	✓					
47	Ip Wun Lin	葉煥連	*LG	✓	✓	✓	✓	✓					
48	Wong Yin Hung	黃燕紅	*LG	✓	✓	✓	✓	✓					
49	Yim Chun Pui	嚴俊培	AQS						✓	✓	✓	✓	✓
50	Wong Kit Ching	王杰清	-	✓	✓	✓	✓	✓					
51	Thapan Steven	王家誠	DLS						✓	✓	✓	✓	✓
52	Chan King Shing	陳景成	LFS						✓	✓	✓	✓	✓
53	Hong Sin Ting	康羨婷	LFS						✓	✓	✓	✓	✓
54	Lin Chi Cheong Alex	連志昌	-						✓	✓	✓	✓	✓
55	Leung Wai Chong	梁慧莊	KTS	✓	✓		✓				✓	✓	
56	Choi Tsz Kit	蔡子杰	AQS						✓	✓	✓	✓	✓
57	Fung Ho Chong	馮浩莊	DLS						✓	✓	✓	✓	✓
58	Lung Chi Lam	龍泚林	EDU	✓	✓	✓	✓	✓					